

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện, mã số ngành: 9320201

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học

Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Thông tin – Thư viện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: KHOA HỌC THÔNG TIN – THƯ VIỆN
MÃ SỐ : 9320201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2897/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

- + Tên tiếng Việt: Khoa học Thông tin - Thư viện
- + Tên tiếng Anh: Library and Information Science

- Mã số ngành đào tạo: 9320201

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Khoa học Thông tin - Thư viện
- + Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Library and Information Science

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sản phẩm đầu ra của chương trình đào tạo là tiến sĩ có tư duy hệ thống và khoa học, có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu trong lĩnh vực thông tin – thư viện; có năng lực sáng tạo ra tri thức mới và dẫn dắt hướng nghiên cứu mới; có khả năng độc lập trong nghiên cứu, có năng lực đóng góp và phát triển hệ thống tri thức của ngành, có thể hướng dẫn nghiên cứu khoa học ở các cấp độ khác nhau.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Khoa học Thông tin – Thư viện có mục tiêu cụ thể như sau:

- Trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp và kỹ năng trong nghiên cứu thông

tin - thư viện cùng những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao khả năng độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, giảng dạy và trong hoạt động thực tiễn của ngành.

- Nghiên cứu quy trình, phương pháp tổ chức và quản lý thông tin – thư viện trong điều kiện chuyển đổi số. Nghiên cứu quy trình và các chuẩn nghiệp vụ theo hướng hiện đại và ứng dụng thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin trên thế giới vào hoạt động thực tiễn nhằm hiện đại hóa ngành thông tin - thư viện.

- Nghiên cứu lý luận và thực tiễn góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình, sẵn sàng hội nhập, tham gia hệ thống để sử dụng và chia sẻ nguồn lực thông tin trong nước, khu vực và thế giới, xây dựng chính sách quốc gia về phát triển thông tin, tạo điều kiện xây dựng nền kinh tế tri thức.

- Nghiên cứu giải pháp cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, nghiệp vụ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan thông tin – thư viện. Nhanh chóng triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn đời sống xã hội.

- Nghiên cứu về nguồn nhân lực và xây dựng các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đào tạo ngành thông tin – thư viện.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, xếp loại tốt nghiệp

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp 1, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành/ chuyên ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Khoa học Thông tin – Thư viện. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có);

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/ liên ngành công nhận

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo Việt Nam cấp.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng kí dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là người nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học. (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ 2 theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

3.2.4 Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp:

- Ngành/ chuyên ngành phù hợp 1: Thông tin – Thư viện, Thông tin học, Khoa học Thư viện, Quản lý thông tin, Khoa học Thông tin – Thư viện.

- Ngành/ chuyên ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành đào tạo: Báo chí & Truyền thông; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng; Xuất bản – Phát hành.

+ Ngành/chuyên ngành: Lịch sử; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học quản lý.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa

học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Thông tin học đại cương	2
2	Thư viện học đại cương	2
3	Phát triển nguồn lực thông tin	2
4	Xử lý thông tin 1	2
5	Xử lý thông tin 2	2
6	Thư viện số	2
7	Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện	2
Tổng số:		14

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 5-10 NCS/ 1 năm)
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án tiến sĩ phải là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của luận văn.

- Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 03 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 06 tháng/1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Những kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

- Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.
- Cấu trúc của luận án tiến sĩ phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:

+ Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;

+ Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

+ Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá.

+ Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

+ Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

+ Danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

+ Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ: Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

- Luận án và tất cả các công trình nghiên cứu khoa học trước khi gửi xuất bản, công bố hoặc bảo vệ phải được kiểm tra sao chép, trùng lặp.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chủ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 và không quá 200 trang A4 đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ và không quá 300 trang đối với các lĩnh vực còn lại, không kể phụ lục, trong đó cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận riêng của nghiên cứu sinh.

- Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 03 đến 05 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung

cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

- Khuyến khích nghiên cứu sinh viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1. Phát hiện và định hình được được các vấn đề khoa học mới trong lĩnh vực thông tin - thư viện, xây dựng kế hoạch nghiên cứu và chủ trì triển khai các dự án nghiên cứu một cách độc lập.

PLO 2. Đề xuất các chuyên đề chuyên sâu trong lĩnh vực thông tin - thư viện và triển khai nghiên cứu các chuyên đề này, liên kết và tổng hợp các kết quả của các chuyên đề để viết báo cáo chuyên môn.

PLO 3. Khảo sát và đánh giá nhu cầu tin của từng đối tượng người dùng tin khác

nhau, đánh giá các sản phẩm và dịch vụ thông tin, phân loại và sắp xếp thông tin, hướng dẫn người dùng tìm kiếm thông tin, tổng hợp và phân tích thông tin.

PLO 4. Vận dụng các kiến thức về công nghệ, năng lực số, quản lý và pháp luật để đánh giá hệ thống thư viện tích hợp, tư vấn xây dựng thư viện số và quản trị bộ sưu tập số, tổ chức các nguồn tin truy cập mở, quản lý các cơ quan thông tin thư viện hiện đại.

PLO 5. Phân tích và đánh giá các hệ thống thông tin chuyên biệt; xây dựng chính sách thông tin, đánh giá chính sách thông tin ở các quy mô khác nhau.

PLO 6. Xây dựng quy trình quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới trình nghiệp vụ và áp dụng các tiêu chuẩn để hoạt động chuyên môn của đơn vị được hiệu quả hơn, sáng tạo các hoạt động truyền thông nhằm quảng bá sản phẩm và dịch vụ thư viện, đề xuất các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

PLO 7. Phân tích và đánh giá dây chuyền thông tin tư liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện, đồng thời phát hiện được các quy luật thông tin, liên kết tri thức liên ngành trong giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực thông tin – thư viện.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 8. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu để thiết kế và triển khai các đề tài và dự án nghiên cứu một cách độc lập; hướng dẫn người khác triển khai hoạt động nghiên cứu.

PLO 9. Xử lý các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 10. Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới trong lĩnh vực thông tin - thư viện.

PLO 11. Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong hoạt động nghiên cứu, ra quyết định mang tính chuyên gia.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

- Giảng viên giảng dạy ngành thông tin – thư viện tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nghiên cứu viên tại các viện/ trung tâm NCKH và các cơ quan chuyên môn về khoa học thông tin thư viện.

- Chuyên gia tư vấn tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước cần đến nghiệp vụ quản trị cơ quan thông tin – thư viện.

- Tham gia công tác quản lý, hoạt động chuyên môn tại các cơ quan thông tin – thư viện.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng học sau tiến sĩ ở trong và ngoài nước, tự tìm hướng nghiên cứu mới để khám phá tri thức mới, tích lũy chuyên môn và kết quả nghiên cứu để xuất bản tài liệu đóng góp tri thức cho lĩnh vực thông tin - thư viện.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	90 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	07 tín chỉ
+ Bắt buộc:	03 tín chỉ
+ Tự chọn:	04 tín chỉ /18 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	75 tín chỉ

1.2 Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	120 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	16 tín chỉ
+ Tự chọn:	14 tín chỉ /38 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	07 tín chỉ
+ Bắt buộc:	03 tín chỉ

- + Tự chọn: 04 tín chỉ/18 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **08** tín chỉ
- + Chuyên đề tiến sĩ: 06 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
- + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Luận án tiến sĩ: **75** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		7				
I.1	Các học phần bắt buộc		3				
1	LIB8032	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện nâng cao <i>Advanced research methods in information and library science</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		4/18				
2	LIB8005	Quản lý nhà nước đối với ngành thông tin - thư viện <i>Governance of government in the library and information profession</i>	2	28	04	68	
3	LIB8009	Sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức <i>Intellectual Property in the Knowledge Society</i>	2	28	04	68	
4	LIB8011	Xây dựng và quản trị bộ sưu tập số <i>Developing and managing digital collection.</i>	2	28	04	68	
5	LIB8014	Dịch vụ thông tin - thư viện phục vụ người khuyết tật <i>Library and information services for disabled information users</i>	2	28	04	68	
6	LIB8020	Luật pháp và đạo đức trong thông tin - thư viện <i>Legal and Ethical Issues in</i>	2	28	04	68	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Library and Information Profession</i>					
7	LIB8024	Sách điện tử và xuất bản điện tử <i>E- Book and E- Publication</i>	2	26	08	66	
8	LIB8001	Lịch sử sự nghiệp thông tin - thư viện Việt Nam <i>History of Vietnamese library career</i>	2	28	04	68	
9	LIB8102	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện hiện đại <i>Evaluation of modern information and library services</i>	2	28	04	68	
10	LIB8031	Đào tạo nguồn nhân lực thư viện số <i>Educating human resources for digital libraries</i>	2	28	04	68	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
11	LIB8025	Chuyên đề tiến sĩ 1 gắn với hướng nghiên cứu của luận án <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
12	LIB8026	Chuyên đề tiến sĩ 2 gắn với hướng nghiên cứu của luận án <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
13	LIB8027	Chuyên đề tiến sĩ 3 gắn với hướng nghiên cứu của luận án <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
14	LIB8028	Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. NCS tham gia các hoạt động trợ giảng và hỗ trợ đào tạo						

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
IV	Luận án		75				
15	LIB9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	75	0	0	3750	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		16				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	LIB6002	Thông tin học nâng cao <i>Advance Information Studies</i>	2	28	04	68	
3	LIB6044	Tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin <i>Information synthesization, analysis and evaluation</i>	2	28	04	68	
4	LIB6071	Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin - thư viện nâng cao <i>Organization and management of advanced library and information center</i>	3	42	06	102	
5	LIB6063	Tìm kiếm thông tin <i>Searching Information</i>	2	28	04	68	
6	LIB6064	Quản trị dự án thông tin - thư viện <i>Project Management in the Information and Library</i>	3	43	04	103	
I.2	Các học phần tự chọn		14/38				
7	LIB6034	Quản trị nhân lực thông tin – thư viện <i>Human resouces management in library and information</i>	2	28	04	68	
8	LIB6122	Quản trị tri thức <i>Knowledge management</i>	2	28	04	68	
9	LIB6029	Đánh giá phần mềm quản trị thông tin-thư viện <i>Evaluation for library and information mamagement</i>	2	28	04	68	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>software</i>					
10	LIB6065	Quản trị nguồn tài nguyên số <i>Digital Resource Management</i>	3	43	04	103	
11	LIB6043	Lý luận thư viện hiện đại <i>Model theory of library</i>	2	28	04	68	
12	LIB6005	Phân loại khoa học và phân loại tài liệu <i>Scientific and documentary classification</i>	2	28	04	68	
13	LIB6011	Quản lý sự nghiệp thông tin - thư viện <i>Management of Library and Information Activities</i>	2	28	04	68	
14	LIB6013	Chuẩn hóa hoạt động thông tin - thư viện <i>Standardization of Library and Information Activities</i>	2	28	04	68	
15	LIB6030	Chính sách và chiến lược thông tin quốc gia <i>Policy and strategy of national information</i>	2	28	04	68	
16	LIB6031	Liên thông thư viện <i>Inter-library</i>	2	28	04	68	
17	LIB6132	Thống kê thông tin khoa học & công nghệ <i>Science-technology statistics information</i>	2	28	04	68	
18	LIB6072	Người dùng tin trong môi trường số <i>Information user in digital age</i>	2	28	04	68	
19	LIB6020	Hệ thống thông tin giáo dục và đào tạo <i>Education and Training information system</i>	2	28	04	68	
20	LIB6138	Hệ thống thông tin khoa học xã hội và văn hóa nghệ thuật <i>Social Science and Culture & Art Information System</i>	2	28	04	68	
21	LIB6041	Truyền thông đa phương tiện trong thông tin - thư viện <i>Multimedia Communication in Information and Library</i>	2	28	04	68	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Activities</i>					
22	LIB6066	Đánh giá năng lực số <i>Digital Literacy Assessment</i>	2	28	04	68	
23	LIB6067	Tài nguyên giáo dục mở <i>Open Educational Resources</i>	2	28	04	68	
24	LIB6035	Thư viện số và công nghệ nội dung <i>Digital libraries and Content technology</i>	3	40	10	100	
II	Các học phần tiên sĩ		7				
II.1	Các học phần bắt buộc		3				
25	LIB8032	Phương pháp nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện nâng cao <i>Advanced research methods in information and library science</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		4/18				
26	LIB8005	Quản lý nhà nước đối với ngành thông tin - thư viện <i>Governance of government in the library and information profession</i>	2	28	04	68	
27	LIB8009	Sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế tri thức <i>Intellectual Property in the Knowledge Society</i>	2	28	04	68	
28	LIB8011	Xây dựng và quản trị bộ sưu tập số <i>Developing and managing digital collection.</i>	2	28	04	68	
29	LIB8014	Dịch vụ thông tin - thư viện phục vụ người khuyết tật <i>Library and information services for disabled information users</i>	2	28	04	68	
30	LIB8020	Luật pháp và đạo đức trong thông tin - thư viện <i>Legal and Ethical Issues in Library and Information Profession</i>	2	28	04	68	
31	LIB8024	Sách điện tử và xuất bản điện tử <i>E- Book and E- Publication</i>	2	26	08	66	
32	LIB8001	Lịch sử sự nghiệp thông tin - thư	2	28	04	68	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		viện Việt Nam <i>History of Vietnamese library career</i>					
33	LIB8102	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện hiện đại <i>Evaluation of modern information and library services</i>	2	28	04	68	
34	LIB8031	Đào tạo nguồn nhân lực thư viện số <i>Educating human resources for digital libraries</i>	2	28	04	68	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
35	LIB8025	Chuyên đề tiến sĩ 1 gắn với hướng nghiên cứu của luận án <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
36	LIB8026	Chuyên đề tiến sĩ 2 gắn với hướng nghiên cứu của luận án <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
37	LIB8027	Chuyên đề tiến sĩ 3 gắn với hướng nghiên cứu của luận án <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
38	LIB8028	Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. NCS tham gia các hoạt động trợ giảng và hỗ trợ đào tạo						
V	Luận án		75				
39	LIB9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	75	0	0	3750	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
Tổng cộng			120				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá